

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 72/QĐ-ĐHTĐ ngày 18 tháng 8 năm 20 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Đô)

Tên chương trình : **Du lịch (Tourism)**
Trình độ đào tạo : **Đại học**
Ngành đào tạo : **Du lịch**
Mã ngành : **7810101**
Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Du lịch của Trường Đại học Tây Đô nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, khả năng làm việc nhóm và tư duy đổi mới sáng tạo; có kiến thức chuyên sâu, kỹ năng nghề nghiệp vững vàng và năng lực thực tiễn trong lĩnh vực du lịch; có khả năng thích ứng với môi trường làm việc trong nước và quốc tế. CTĐT lấy triết lý “Học tập trải nghiệm, Khởi nghiệp thành công” làm nền tảng, tạo điều kiện cho người học gắn lý thuyết với thực tiễn, phát huy tinh thần khởi nghiệp, năng động, sáng tạo và hội nhập. Chương trình được xây dựng và phát triển dựa trên giá trị cốt lõi “Đoàn kết – Hợp tác – Trí tuệ – Đổi mới sáng tạo”, góp phần cung ứng nguồn nhân lực du lịch có năng lực cạnh tranh, phục vụ phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

PEO1. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về xã hội, văn hóa, lịch sử, kinh tế và môi trường tự nhiên, giúp sinh viên có cái nhìn tổng thể về các yếu tố ảnh hưởng đến ngành du lịch.

PEO2. Giúp sinh viên nắm vững các kiến thức cơ bản về ngành du lịch như lý thuyết du lịch, quản lý du lịch, marketing du lịch, phân tích xu hướng du lịch, và các chính sách phát triển du lịch. Sinh viên hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động du lịch từ môi trường tự nhiên, xã hội, và kinh tế.

PEO3. Sinh viên sẽ có kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực trong ngành du lịch

như du lịch sinh thái, du lịch văn hóa, quản lý và phát triển điểm đến du lịch, tổ chức sự kiện du lịch, lữ hành quốc tế và nội địa, thiết kế sản phẩm du lịch, và phát triển các mô hình du lịch bền vững.

1.2.2. Kỹ năng

PEO4. Sinh viên được trang bị kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý và điều hành các hoạt động du lịch, kỹ năng phân tích nhu cầu và xu hướng của khách du lịch, xây dựng sản phẩm du lịch hấp dẫn và phát triển các chiến lược marketing hiệu quả cho các doanh nghiệp du lịch.

PEO5. Sinh viên có khả năng giao tiếp hiệu quả bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh trong môi trường du lịch quốc tế, có khả năng thuyết trình, đàm phán và xây dựng mối quan hệ với các đối tác, khách hàng và cộng đồng.

PEO6. Sinh viên có thể phân tích các vấn đề phức tạp trong ngành du lịch và đưa ra các quyết định sáng suốt, hiệu quả trong môi trường làm việc có sự thay đổi nhanh chóng.

PEO7. Sinh viên được đào tạo để có khả năng làm việc nhóm, phối hợp với các bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp du lịch, đồng thời có khả năng lãnh đạo, quản lý đội nhóm trong các dự án du lịch.

1.2.2. Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

PEO8. Sinh viên có khả năng tự học, nghiên cứu và phát triển kiến thức chuyên môn liên quan đến ngành du lịch, chủ động tìm kiếm thông tin mới và áp dụng các công nghệ tiên tiến vào công việc thực tiễn.

PEO9. Sinh viên có khả năng chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ cá nhân, phối hợp công việc nhóm, và đảm bảo chất lượng công việc, góp phần vào sự phát triển chung của tổ chức, doanh nghiệp du lịch. Sinh viên cũng có khả năng tự quản lý thời gian, tổ chức công việc và giải quyết vấn đề phát sinh trong công việc.

PEO10. Sinh viên có khả năng tự đánh giá trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp của mình, đồng thời tìm cách cải thiện, phát triển bản thân liên tục để đáp ứng yêu cầu của ngành du lịch đang thay đổi và phát triển.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO1	Sinh viên có kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực tiễn trong các lĩnh vực như khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, kinh tế học, và các môn học nhân văn có liên quan đến ngành Du lịch.
PLO2	Sinh viên có hiểu biết vững chắc về các kiến thức nền tảng trong ngành Du lịch, bao gồm lịch sử, văn hóa, quản lý, marketing, và kinh tế du lịch.

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO3	Sinh viên nắm vững các kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực của ngành Du lịch như tổ chức và quản lý sự kiện, vận hành khối lưu trú, lữ hành, du lịch bền vững, và du lịch số.
PLO4	Sinh viên hiểu và áp dụng công nghệ thông tin và công nghệ số trong việc quản lý và vận hành các dịch vụ du lịch, bao gồm quản lý khối lưu trú, đặt tour, và chăm sóc khách hàng qua các nền tảng trực tuyến.
PLO5	Sinh viên sử dụng thành thạo ít nhất một ngoại ngữ trong giao tiếp chuyên môn, có khả năng đọc, hiểu tài liệu chuyên ngành và giao tiếp với khách hàng quốc tế.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng cứng

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO6	Sinh viên có khả năng quản lý và vận hành các hoạt động của du lịch, từ việc đặt phòng đến việc xử lý các tình huống phát sinh.
PLO7	Sinh viên có khả năng tổ chức và quản lý các sự kiện du lịch, hội nghị, hội thảo, và các chương trình tour du lịch, đảm bảo chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng.
PLO8	Sinh viên có khả năng thiết kế và triển khai các chiến lược marketing cho các sản phẩm du lịch, sử dụng các công cụ kỹ thuật số và mạng xã hội để quảng bá và thu hút khách hàng.

2.2.2. Kỹ năng mềm

Các kỹ năng hỗ trợ cho việc nâng cao hiệu quả làm việc và phát huy tối đa năng lực cá nhân như:

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO9	Sinh viên có khả năng giao tiếp hiệu quả với khách hàng, đối tác và đồng nghiệp, cũng như kỹ năng đàm phán để đạt được các thỏa thuận có lợi cho tổ chức.
PLO10	Sinh viên có khả năng làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và có thể phối hợp với các bộ phận khác nhau để hoàn thành các nhiệm vụ chung trong ngành Du lịch.
PLO11	Sinh viên có khả năng phân tích tình huống và đưa ra các giải pháp sáng tạo và hợp lý để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ du lịch.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Sinh viên cần đạt năng lực tự chủ và trách nhiệm như được trình bày ở Bảng bên dưới để quá trình đào tạo đạt hiệu quả.

Chuẩn đầu ra	Giải thích
PLO12	Sinh viên có khả năng tự quản lý công việc, lập kế hoạch và triển khai các nhiệm vụ một cách hiệu quả, đảm bảo tiến độ và chất lượng công

Chuẩn đầu ra	Giải thích
	việc.
PLO13	Sinh viên có khả năng chịu trách nhiệm về kết quả công việc, nhận thức được tầm quan trọng của việc duy trì chất lượng dịch vụ và sự hài lòng của khách hàng trong ngành Du lịch.
PLO14	Sinh viên có khả năng lãnh đạo, quản lý nhóm làm việc, và truyền cảm hứng cho đội ngũ để đạt được các mục tiêu chung trong các tổ chức du lịch.
PLO15	Sinh viên có khả năng ứng dụng các công nghệ số tiên tiến như phần mềm quản lý du lịch, công cụ đặt tour trực tuyến, và các hệ thống quản lý dịch vụ du lịch để tối ưu hóa quy trình làm việc và nâng cao chất lượng dịch vụ.

2.4. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:

- + *Việc làm trong lĩnh vực du lịch – lữ hành:*
 - Hướng dẫn viên du lịch nội địa và quốc tế.
 - Thiết kế, tổ chức và điều hành các tour du lịch trong và ngoài nước
 - Phụ trách sale và marketing du lịch.
 - Phụ trách tổ chức các sự kiện du lịch, lễ hội văn hóa
- + *Việc làm trong lĩnh vực nhà hàng – lưu trú:*
 - Thuộc bộ phận lễ tân
 - Thuộc bộ phận buồng phòng
 - Thuộc bộ phận ẩm thực, tiệc nhà hàng
 - Thuộc bộ phận sale và marketing
- + *Việc làm trong lĩnh vực văn hóa:*

Sinh viên tốt nghiệp Đại học Du lịch có thể làm việc trong các trung tâm nghiên cứu và đào tạo du lịch; các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội về văn hoá, giáo dục như: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Trung tâm xúc tiến du lịch; các cơ sở giảng dạy ngành du lịch; thuyết minh viên – hướng dẫn viên tại bảo tàng, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh,...

2.5. Trình độ tin học, ngoại ngữ:

Đạt chuẩn Tiếng Anh trình độ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam theo Quy định chuẩn đầu ra Tiếng Anh đối với sinh viên ngành Du lịch của trường Đại học Tây Đô. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo Quy định về yêu cầu kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin đối với sinh viên trình độ đại học hệ chính quy không thuộc ngành Công nghệ thông tin của Trường đại học Tây Đô.

2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Sau khi ra trường, sinh viên có thể tiếp tục học các chứng chỉ chuyên môn trong các lĩnh vực như quản lý du lịch, marketing du lịch, quản lý sự kiện, hay quản lý khối lưu trú.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Du lịch có thể học lên cao học ở các chuyên ngành liên quan như: Thạc sĩ Du lịch, Thạc sĩ Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành, Thạc sĩ Quản trị khách sạn – nhà hàng, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA) – đặc biệt nếu muốn chuyển sang lĩnh vực quản lý rộng hơn, Thạc sĩ Quản lý sự kiện và giải trí,...

Với nền tảng kiến thức rộng và thực tiễn, nhiều sinh viên sau khi ra trường có thể: Tự mở công ty du lịch, phát triển các nền tảng số hỗ trợ du lịch (app, blog, vlog), làm freelancer trong ngành (hướng dẫn viên tự do, tổ chức tour, travel writer...)

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 3,5 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 130 tín chỉ (không kể các kiến thức điều kiện)

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Quy trình đào tạo

- Thực hiện theo Quy chế Đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021).
- Thực hiện theo học chế tín chỉ kết hợp học tập thực tế.
- Quá trình đào tạo được tổ chức theo khóa, năm học và học kỳ. Khóa học được thực hiện 3,5 năm. Một năm học có 03 học kỳ chính, mỗi học kỳ kéo dài 04 tháng (HK1: Tháng 9 → Tháng 12; HK2: Tháng 01 → Tháng 04; HK3: Tháng 5 → Tháng 8), trong đó mỗi học kỳ gồm 12 tuần học và dự trữ, 02 tuần thi. Khoảng nghỉ giữa mỗi kỳ là 02→03 tuần (chưa bao gồm nghỉ Tết). Số tín chỉ trung bình mỗi học kỳ từ 12 → 15 tín chỉ.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021)

và Quyết định số 641/QĐ-ĐHTĐ ngày 1/9/2017 Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên, học sinh trường Đại học Tây Đô.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh.

e) Đạt chuẩn thể lực, kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

7. THANG ĐIỂM

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường. Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 302/QĐ-ĐHTĐ, ngày 10 tháng 05 năm 2021).

Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
9,0 – 10,0	A	4,0
8,0 – 8,9	B+	3,5
7,0 – 7,9	B	3,0
6,5 – 6,9	C+	2,5
5,5 – 6,4	C	2,0
5,0 – 5,4	D+	1,5
4,0 – 4,9	D	1,0
nhỏ hơn 4,0	F	0,0

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

TT	Khối lượng học tập	TÍN CHỈ		
		TS	LT	TH
1	Kiến thức giáo dục đại cương	35	32	3
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	83	77	6
3	Thực tập tốt nghiệp, Đồ án, khóa luận tốt nghiệp	12		12
Tổng cộng		130	109	21

8.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 35 tín chỉ

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
Bắt buộc: 33 TC					

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
1	0301001769	Triết học Mác – Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301002902	Tiếng Anh căn bản 1	3	3	
7	0301002903	Tiếng Anh căn bản 2	3	3	
8	0301002904	Tiếng Anh căn bản 3	3	3	
8	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
9	0301002997	Năng lực số	3	1	2
10	0301003307	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	2	
11	0301000060	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	
12	0301000643	Xã hội học đại cương	2	2	
13	0301000487	Tâm lí học đại cương	2	2	
14	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1
15	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
16	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
17	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1
18	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
19	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
20	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1
21	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			
22	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
23	0301000650	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (*)	8	3	5
24	0301003005	Tiếng Anh tăng cường 1**	3	3	
	0301003006	Tiếng Anh tăng cường 2**	3	3	
	0301003007	Tiếng Anh tăng cường 3**	3	3	
	0301003008	Tiếng Anh tăng cường 4**	3	3	
25	0301003009	Nhập môn Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2	
26	KNM	Kỹ năng mềm**	4	4	
27	KNN	Kỹ năng nghề nghiệp**	4	4	

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tổng	LT	TH
Tự chọn: 2 TC					
28	0301000322	Môi trường và phát triển bền vững	2	2	
29	0301001654	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	
		Tổng cộng	35+33		

8.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

8.2.1. Kiến thức cơ sở ngành : 30 tín chỉ

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tín chỉ	LT	TH
Bắt buộc: 26 TC					
30	0301000579	Tổng quan du lịch	3	3	
31	0301000416	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2	
32	0301003225	Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam	2	2	
33	0301001790	Quản lí nhà nước về du lịch	2	2	
34	0301000486	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	2	
35	0301000227	Kinh tế du lịch	2	2	
36	0301003240	Địa lí và tài nguyên du lịch Việt Nam	3	3	
37	0301001829	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	4	4	
38	0301001909	Quản trị nhân sự (DL)	2	2	
39	0301003239	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức nghề nghiệp	2	2	
40	0301003226	Kinh tế số và đổi mới sáng tạo trong du lịch	2	2	
Tự chọn: 4 TC					
41	0301000016	Các dân tộc Việt Nam	2	2	
42	0301001953	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	2	2	
43	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2	
44	0301000576	Tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam	2	2	
45	0301000090	Di tích và thắng cảnh Việt Nam	2	2	
46	0301000410	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	2	2	

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tín chỉ	LT	TH
		Tổng cộng	30	30	

8.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 69 tín chỉ

STT	Mã số	Tên môn học	Số TC		
			Tín chỉ	LT	TH
Bắt buộc: 49 TC					
47	0301001910	Du lịch văn hóa Việt Nam	2	2	
48	0301003241	Du lịch sinh thái và phát triển bền vững	2	2	
49	0301000601	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	2	3	
50	0301001912	Thiết kế và điều hành tour du lịch	2	3	
51	0301000310	Marketing du lịch	2	2	
52	0301003227	Quản lý dự án du lịch	3	3	
53	0301000465	Qui hoạch du lịch Việt Nam	2	2	
54	0301001342	Địa lý du lịch thế giới	2	2	
55	0301003228	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong dịch vụ du lịch	2	2	
56	0301003229	Phát triển du lịch cộng đồng và du lịch có trách nhiệm	2	2	
57	0301001918	Tổ chức sự kiện trong du lịch	2	2	
58	0301001943	Kỹ năng thuyết minh du lịch	2	2	
59	0301003308	Truyền thông số và quảng bá du lịch	3	3	
60	0301002087	Nghiep vụ hướng dẫn du lịch	3	3	
61	0301001919	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2		2
62	0301003242	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong du lịch	2	2	
63	0301003230	Thiết kế và đổi mới sản phẩm du lịch	2	2	
64	0301003231	Du lịch Tiểu vùng sông Mekong	2	2	
65	0301003243	Phát triển sản phẩm du lịch bền vững theo vùng miền	2	2	
66	0301001949	Niên luận du lịch	2		2

67	0301001924	Thực tế du lịch	2		2
68	0301002523	Thực tập tốt nghiệp – DL	4		4

Tự chọn: 16 TC

69	0301003232	Khởi nghiệp và thiết kế mô hình kinh doanh du lịch	2	2	
70	0301001915	Quản trị điểm đến du lịch	2	2	
71	0301003233	Du lịch nông nghiệp và kinh tế xanh	2	2	
72	0301001921	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	2	
73	0301003234	Du lịch quốc tế và toàn cầu hóa văn hóa	2	2	
74	0301003235	Nghiên cứu thị trường du lịch	2	2	
75	0301001931	Du lịch tôn giáo, tâm linh	2	2	
76	0301003236	Quản trị rủi ro và an toàn trong du lịch	2	2	
77	0301002524	Khóa luận tốt nghiệp – DL	8		8

Ghi chú:

Trường hợp sinh viên không thực hiện *Khóa luận tốt nghiệp* sẽ thực hiện *Tiểu luận tốt nghiệp* (4 TC) và học bổ sung 2 học phần (4 TC) trong danh mục các học phần tự chọn sau:

78	0301002525	Tiểu luận tốt nghiệp – DL	4		4
79	0301000089	Di sản văn hóa với phát triển du lịch	2	2	
80	0301003237	Du lịch văn hóa và di sản ASEAN	2	2	
81	0301003238	Văn hóa dân gian và lễ hội Nam Bộ trong du lịch	2	2	
82	0301003244	Phát triển du lịch vùng sông nước	2		
		Tổng cộng	66	46	20

TỔNG CỘNG: 130 TC (Bắt buộc: 108, Tự chọn: 22) và 33 tín chỉ các HP điều kiện

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY

Học kỳ 1:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Pháp luật đại cương	2	2		30	30	
2	Năng lực số	3	1	2	75	15	60

3	Tâm lý học đại cương	2	2		30	30	
4	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	2		30	30	
5	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2		30	30	
6	Xã hội học đại cương	2	2		30	30	
	Tổng cộng	13	11	2	225	165	60

Học kì 2:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Triết học Mác - Lênin	3	3		45	45	
2	Tiếng Anh căn bản 1	3	3		45	45	
3	Tổng quan du lịch	3	3		45	45	
4	Quản lí nhà nước về du lịch	2	2		30	30	
5	Tổ chức lãnh thổ du lịch Việt Nam	2	2		30	30	
6	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1	0	1	30	0	30
7	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**						
8	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**						
Tự chọn: 02 tín chỉ							
9	Môi trường và phát triển bền vững	2	2		30	30	
10	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		30	30	
	Tổng cộng	12+1	12	1	240	210	30

Học kỳ 3:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2		30	30	
2	Tiếng Anh căn bản 2	3	3		45	45	
3	Tâm lý du khách và nghệ thuật giao tiếp	2	2		30	30	
4	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (*)	8	3	5	165	77	88
5	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1	30	0	30
6	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**						
7	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**						
	Tổng cộng	7+9	7+3	6	300	182	118

Học kỳ 4:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	30	
2	Tiếng Anh căn bản 3	3	3		45	45	
3	Địa lí và tài nguyên du lịch Việt Nam	3	3		45	45	
4	Địa lý du lịch thế giới	2	2		30	30	
5	Du lịch văn hóa Việt Nam	2	2		30	30	
6	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1	30		30
7	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**						
8	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**						
9	Nhập môn Khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo**	2	2		30	30	
Tự chọn: 02 tín chỉ							
10	Các dân tộc Việt Nam	2	2		30	30	
11	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	2	2		30	30	
12	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2		30	30	
	Tổng cộng	14+3	16	1	270	240	30

Học kỳ 5:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30	30	
2	Kinh tế du lịch	2	2		30	30	
3	Quản trị nhân sự (DL)	2	2		30	30	
4	Văn hóa doanh nghiệp và đạo đức nghề nghiệp	2	2		30	30	
5	Kinh tế số và đổi mới sáng tạo trong du lịch	2	2		30	30	
6	Du lịch sinh thái và phát triển bền vững	2	2		30	30	
7	Kỹ năng mềm**	4	4		60	60	
Tự chọn: 02 tín chỉ							
8	Di tích và thắng cảnh Việt Nam	2	2		30	30	
9	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	2	2		30	30	

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
10	Tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam	2	2		30	30	
	Tổng cộng	14+4	18		270	270	

Học kỳ 6:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	30	
2	Kỹ năng thuyết minh du lịch	2	2		30	30	
3	Tuyến điểm du lịch Việt Nam	2	2		30	30	
4	Thiết kế và điều hành tour du lịch	2	2		30	30	
5	Nghệp vụ hướng dẫn du lịch	3	3		45	45	
6	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2		2	60		60
Tự chọn: 02 tín chỉ							
7	Du lịch quốc tế và toàn cầu hóa văn hóa	2	2		30	30	
8	Du lịch tôn giáo, tâm linh	2	2		30	30	
	Tổng cộng	15	13	2	255	195	60

Học kỳ 7:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Phương pháp nghiên cứu khoa học – Du lịch	2	2		30	30	
2	Marketing du lịch	2	2		30	30	
3	Tổ chức sự kiện trong du lịch	2	2		30	30	
4	Quản lý dự án du lịch	3	3		45	45	
5	Tiếng Anh chuyên ngành du lịch	4	4		60	60	
Tự chọn: 02 tín chỉ							
6	Quản trị kinh doanh lữ hành	2	2		30	30	
7	Quản trị rủi ro và an toàn trong du lịch	2	2		30	30	
	Tổng cộng	15	15		225	225	

Học kỳ 8:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong dịch vụ du lịch	2	2		30	30	
2	Truyền thông số và quảng bá du lịch	3	3		45	45	
3	Quy hoạch du lịch Việt Nam	2	2		30	30	
4	Niên luận du lịch	2		2	60		60
5	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) trong du lịch	2	2		30	30	
Tự chọn: 02 tín chỉ							
6	Quản trị điểm đến du lịch	2	2		30	30	
7	Du lịch nông nghiệp và kinh tế xanh	2	2		30	30	
	Tổng cộng	13	11	2	225	165	60

Học kỳ 9:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thiết kế và đổi mới sản phẩm du lịch	2	2		30	30	
2	Du lịch Tiểu vùng sông Mekong	2	2		30	30	
3	Phát triển sản phẩm du lịch bền vững theo vùng miền	2	2		30	30	
4	Thực tế du lịch	2		2	60		60
5	Phát triển du lịch cộng đồng và du lịch có trách nhiệm	2	2		30	30	
Tự chọn: 02 tín chỉ							
6	Khởi nghiệp và thiết kế mô hình kinh doanh du lịch	2	2		30	30	
7	Nghiên cứu thị trường du lịch	2	2		30	30	
	Tổng cộng	12	10	2	210	150	60

Học kỳ 10:

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
1	Thực tập tốt nghiệp – DL	4		4	120		120
2	Khóa luận tốt nghiệp – DL	8		8	240		240
3	Tiểu luận tốt nghiệp – DL	4		4	120		120

TT	Môn học	Tín chỉ			Số tiết		
		TC	LT	TH	TC	LT	TH
4	Di sản văn hóa với phát triển du lịch	2	2		30	30	
5	Du lịch văn hóa và di sản ASEAN	2	2		30	30	
6	Văn hóa dân gian và lễ hội Nam Bộ trong du lịch	2	2		30	30	
7	Phát triển du lịch vùng sông nước	2	2		30	30	
8	Kỹ năng nghề nghiệp**	4	4		60	60	
	Tổng cộng	24+4	12	16	660	180	480

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Cách quy đổi giờ

Giờ quy đổi được tính như sau:

1 tín chỉ (TC) = 15 tiết giảng lý thuyết (Các học phần lý thuyết)

= 30 đối với học phần thực tập, thực hành

= 45 thực tập tốt nghiệp tại đơn vị thực tập

Số tiết của các học phần là bội số của 15

Một tiết giảng là 50 phút.

10.2. Chương trình ngành Du lịch được thiết kế theo đơn ngành

Chương trình này được biên soạn trên cơ sở tuân thủ các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngoài các học phần bắt buộc, Trường đã thiết kế các học phần còn lại cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo và chuẩn đầu ra.



HIỆU TRƯỞNG

Trần Long Luận